

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 17/2024/HNGĐ-GĐT

Ngày: 12/6/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Võ Văn Cường

bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mai Phương, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Công Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp đòi tài sản” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thu N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số F, Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số A, Tổ I, Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1967;

3. 2. Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số F, Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn-chị Nguyễn Thu N trình bày:

Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc, tạo lập và kinh doanh quán cơm niêu tên “Việt H” tại Ấp A, xã P, huyện Đ. Tháng 03/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do không chịu đựng được nên từ tháng 03/2020 (khi sinh con), chị đã về nhà mẹ ruột ở Ấp A, xã P và sống ly thân với anh T.

Ngày 02/12/2020, chị về nhà chung để lấy một số vật dụng cho con thì bị anh T cản trở nên hai bên xảy ra cãi vã; anh T đã xô chị ngã xuống bậc tam cấp trước cửa nhà làm chị bị gãy chân, anh T không đưa chị đi cấp cứu, chửi mắng xúc phạm chị và cha mẹ chị. Sự việc anh T gây thương tích cho chị đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” với hình phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Trần Thiên K, sinh ngày 05/3/2020; cháu K đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo cho cháu phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Diện tích 422,8m² đất thổ cư và vườn thuộc thửa 63 tờ bản đồ số 34 giấy chứng nhận QSDĐ số V 813437 ngày 04/7/2002 tọa lạc tại Ấp B, xã P đứng tên vợ chồng chị.

- Diện tích đất 244,9m² đất thổ cư thuộc thửa 92 tờ bản đồ số 34 giấy chứng nhận QSDĐ số V 813422 ngày 04/7/2002 tọa lạc tại Ấp B, xã P đứng tên anh T vì anh T lo làm thủ tục để chị ở nhà quản lý việc kinh doanh quán ăn.

Hai thửa đất này giáp nhau được ghép chung thành một nền quán bán cơm niêu V. Tổng giá trị 02 thửa đất khoảng 500.000.000 đồng.

- Kết cấu quán ăn D có kích thước 31m x 22m, nền xi măng lát gạch, tường và cột xây, mái lợp tôn được xây dựng trên 02 thửa đất nêu trên. Kết cấu quán có giá trị khoảng 300.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung là đất và kết cấu quán ăn. Tài sản chị nhận có giá trị khoảng 800.000.000 đồng nên chị đồng ý chia ½ giá trị chênh lệch cho anh T là 400.000.000 đồng.

Ngày 26/11/2019, vợ chồng mượn của cha mẹ ruột chị là ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Thị Mai H số tiền 1.000.000.000 đồng để xây dựng quán C tại Ấp B,

xã P. Vợ chồng chị đã trả được 270.000.000 đồng nên còn nợ ông V, bà H số tiền 730.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu chị và anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho ông V, bà H số tiền $730.000.000 \div 2 = 365.000.000$ đồng.

Sau khi nhận được kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 4315/CH-TĐG ngày 30/11/2021 của Công ty Cổ phần T3 thì tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng chị là 6.667.600.000 đồng. Chị đồng ý với kết quả thẩm định giá và xin sửa đổi một phần yêu cầu về giá trị tài sản, cụ thể: Khi ly hôn, chị yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung (đất, kết cấu quán ăn nhà ở và các vật dụng kinh doanh quán), chị đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch cho anh T là $6.667.600.000 \div 2 = 3.333.800.000$ đồng.

Bị đơn-anh Trần Văn T trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị N về quá trình kết hôn cũng như thông tin về con chung. Anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị chị N quay về cùng anh chung sống và cùng lo cho tương lai của con chung là cháu Trần Thiên K - sinh ngày 05/3/2020. Nếu phải ly hôn, anh xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thừa nhận diện tích 422,8m² đất thổ cư và vườn thuộc thửa 63 tờ bản đồ số 34 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 813437 ngày 04/7/2002 tọa lạc tại Ấp B, xã P; kết cấu quán ăn gia đình bằng thép tôn tiền chế cùng các vật dụng trong quán là tài sản chung. Do đó, anh yêu cầu Tòa án chia cho anh và chị N mỗi người $\frac{1}{2}$ nhưng anh xin nhận hiện vật và đồng ý giao lại cho chị N $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền theo chứng thư. Lý do anh xin chia và nhận hiện vật là vì trước đây anh ở chung nhà với mẹ ruột ở số B Ấp A, xã P nhưng năm 2019 cha mẹ anh đã phải bán cho ông V, bà H để trừ nợ. Hiện anh đang kinh doanh ở quán C "Việt H" thuộc Ấp B, xã P, huyện Đ và anh không còn chỗ ở hay chỗ kinh doanh nào khác ngoài quán ăn trên; còn chị N đã có chỗ ở vì đang ở chung với ông V, bà H tại Quán C thuộc Ấp A, xã P, huyện Đ.

Về tài sản riêng: Diện tích 244,9m² đất thổ cư thuộc thửa 92 tờ bản đồ số 34 trị giá 1.590.530.000 đồng là của riêng anh nên anh không đồng ý chia mà yêu cầu Tòa án công nhận của riêng anh.

Về nợ chung:

- Năm 2018, vợ chồng anh vay của mẹ là bà Nguyễn Thị Diễm T1 số tiền 2.300.000.000 đồng để mua thửa đất số 92 tờ bản đồ số 4, xã P của ông Trần Nguyễn Bá V1. Khi vay các khoản tiền trên, hai bên không thỏa thuận lãi suất, không quy định thời gian trả nợ gốc. Nay, ly hôn thì chị N phải liên đới trả lại $\frac{1}{2}$ các khoản vay trên cho bà T1 bằng 1.150.000.000 đồng và phải trả tiền lãi với lãi suất 0,8% mỗi tháng với thời hạn tính lãi tính từ ngày vay từng khoản vay đến khi xét xử sơ thẩm.

- Ngày 26/11/2019, vợ chồng anh mượn của ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Thị Mai H số tiền 1.000.000.000 đồng để xây dựng quán C; vợ chồng anh đã trả được 270.000.000 đồng nên còn nợ ông V, bà H số tiền 730.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh đồng ý liên đới cùng chị N trả nợ cho ông V, bà H mỗi người 365.000.000 đồng.

- Nợ anh Trần Văn T2, sinh năm 1999 là em ruột của anh số tiền 1.000.000.000 đồng. Món nợ này do một mình anh (T) vay ngày 22/11/2020 để kinh doanh quán ăn, chị N không biết vì chị N đang sinh con, không cần chị N biết sẽ lo lắng. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị N liên đới trả nợ cho anh T2 mỗi người 500.000.000 đồng.

- Vào các ngày 10/02/2020 và ngày 15/10/2020 vợ chồng anh vay của cô Trần Thị H1 (là cô ruột của anh) số tiền lần lượt là 1.000.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng, tổng cộng 2.500.000.000 đồng để kinh doanh quán ăn. Khi anh vay, chị N không biết vì chị N đang sinh con, không cần chị N biết sẽ lo lắng. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị N liên đới trả nợ cho cô H1 mỗi người 1.250.000.000 đồng.

Toà án đã thông báo sẽ xem xét vấn đề tranh chấp tài sản riêng của anh T trong cùng vụ án. Nhưng đối với yêu cầu về nợ chung của anh T và yêu cầu của bà T1 do phát sinh sau phiên họp tiếp cận kiểm tra việc giao nộp, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nên sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Mai H trình bày:

Ngày 26/11/2019, vợ chồng con gái và con rể là Nguyễn Thu N, Trần Văn T mượn của vợ chồng ông, bà số tiền 1.000.000.000 đồng để xây dựng quán cơm “Việt H”. Vợ chồng chị N, anh T đã trả được 270.000.000 đồng nên vẫn còn nợ ông, bà số tiền 730.000.000 đồng. Nay, vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng chị N, anh T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông, bà số tiền 730.000.000 đồng. Ông bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai quyết định (tóm tắt):

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thiên K, sinh ngày 05/3/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị N không yêu cầu.

Anh T được đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung:

3.1. Chị N được chia và được quyền sở hữu, quản lý sử dụng đất và các tài sản trên đất gồm:

- Diện tích 422,8m² đất thổ cư và vườn thuộc thửa 63 tờ bản đồ số 34 giấy chứng nhận QSDĐ số V 813437 ngày 04/7/2002 tọa lạc tại Ấp B, xã P, huyện Đ.

- Diện tích đất 244,9m² đất thổ cư thuộc thửa 92 tờ bản đồ số 34 giấy chứng nhận QSDĐ số V813422 ngày 04/7/2002 tọa lạc tại Ấp B, xã P, huyện Đ.

Chị N có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch do chia tài sản cho anh T số tiền 3.333.800.000 đồng.

3.2. Buộc anh T giao các tài sản trên đất và hoàn tất thủ tục sang tên cho chị N các phần đất đã được tuyên tại mục 3.1 của Quyết định này tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chấp hành quy hoạch tại địa phương về đất đai.

Anh T được nhận số tiền 3.333.800.000 đồng từ chị N.

4/ Về nợ chung:

Chị N, anh T mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho ông V, bà H số tiền 365.000.000 đồng.

5/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung là lợi nhuận trong kinh doanh quán Cơm niêu của chị N đối với anh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền được thăm nom chăm sóc con chung, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Trần Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T yêu cầu được nhận tài sản bằng hiện vật và thanh toán lại giá trị cho chị N.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 22/2023/HNGĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 121/2022/HNGĐ-ST ngày 17-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán; tỉnh Đồng Nai.

Ngày 03/7/2023, anh Trần Văn T làm đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 23/10/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 281/QĐ-VKS-DS đối với Bản án số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; Đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án 121/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị N và anh T đăng ký kết hôn ngày 25/8/2015, có 01 con chung là Trần Thiên K, sinh ngày 05/3/2020. Quá trình chung sống, anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị N và anh T ly hôn là có căn cứ. Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thì cháu K dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tài sản chung: Chị N và anh T thừa nhận tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc 02 thửa đất đã xây dựng quán cơm “Việt H”. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản chung của anh T, chị N là sở hữu chung hợp nhất nên khi ly hôn chia đều 50/50 cho mỗi người là phù hợp và các đương sự không có ý kiến về việc xác định, phân chia tỷ lệ.

[2.1] Anh T đề nghị được nhận tài sản bằng hiện vật. Thấy rằng, tại các biên bản xác minh về mặt bằng kinh doanh quán cơm niêu trên Quốc lộ B khu vực Cầu L có kết cấu, quy mô, phương thức kinh doanh tương đồng với quán C đều xác định: *“Để có thể kinh doanh được quán ăn gia đình tại khu vực Cầu L thì quán cần một mặt bằng khoảng từ 20m đến 30m mặt tiền giáp Quốc lộ B mới đảm bảo việc tiếp đón khách, thuận tiện trong việc kinh doanh”*. Để bảo đảm việc kinh doanh mở quán, trong thời gian chung sống, anh T và chị N phải mua 02 thửa đất liền nhau, có diện tích mặt tiền là 29m để thuận tiện trong việc kinh doanh. Mặt khác, giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh T từng gây thương tích cho chị N và đã bị xử lý hình sự. Việc chia đôi diện tích cho anh T, chị N là không phù hợp, ảnh hưởng đến việc kinh doanh.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm quyết định chia và giao cho chị N sở hữu hiện vật, buộc chị N thanh toán lại cho anh T giá trị để chị N có điều kiện tiếp tục kinh doanh, nuôi dưỡng con chưa thành niên là phù hợp, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của vợ và con chưa thành niên.

[3] Về nợ chung: anh T và chị N thông nhất còn nợ ông V, bà H số tiền 730.000.000 đồng, Tòa án buộc chị N, anh T mỗi người có trách nhiệm trả cho ông V, bà H 365.000.000 đồng là có cơ sở. Đối với các khoản nợ khác do bị đơn nêu ra sau khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Từ những nhận định nêu trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã giải quyết là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 281/QĐ-VKS-DS ngày 23/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 22/2023/HNGĐ-PT ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, tranh chấp đòi tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thu N với bị đơn là ông Trần Văn T.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học-TANDTC;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKT.III; HSVA (MP).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên